

CÔNG TY CP CAO SU HÒA BÌNH

**BÁO CÁO
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
NĂM 2009**

Ngày 12 tháng 3 năm 2010



CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU HÒA BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2009
(Ngày Đại hội : 12 tháng 3 năm 2010)

Thời gian	Nội dung
7:00	• Thủ tục xác nhận danh sách cổ đông dự Đại hội
8:00	• Chào cờ - Tuyên bố lý do - Thông qua quy định đại hội
8:10	1. Giới thiệu Chủ tọa, Ban thư ký, Ban kiểm soát Đại hội
8:15	2. Báo cáo thẩm định tư cách Đại biểu
8:20	3. Diễn văn khai mạc đại hội
8:25	4. Báo cáo tài chính kiểm toán
8:35	5. Báo cáo của Ban kiểm soát
8:45	6. Báo cáo của HĐQT
9:00	7. Thông qua kế hoạch năm 2010 & kế hoạch dài hạn.
9:15	8. Thảo luận
9:55	9. Bầu Ban kiểm phiếu (Tờ trình)
10:00	10. Biểu quyết Đại hội
10:20	11. Ý kiến phát biểu của lãnh đạo các cấp.
11:00	12. Công bố kết quả biểu quyết.
11:15	13. Thông qua biên bản Đại hội (biểu quyết).
11:25	14. Diễn văn bế mạc Đại hội.
11:30	15. Chào cờ bế mạc.

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 12 tháng 3 năm 2010

QUY ĐỊNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2009

1. Tất cả các cổ đông (đại diện hợp lệ của cổ đông) đã làm đủ thủ tục đăng ký tham dự phiên họp được quyền tham dự, biểu quyết và bầu cử tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất **65%** số cổ đông có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông được lập khi quyết định triệu tập cuộc họp.

2. Các cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia biểu quyết các vấn đề tiếp theo của Đại hội, Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng.

3. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2009 do Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa. Chủ tọa đại hội đề cử một thư ký để lập biên bản đại hội.

4. Các cổ đông phải tuân theo sự điều hành của Chủ tọa trong phiên họp Đại hội đồng cổ đông, tạo điều kiện cho phiên họp diễn ra một cách thuận lợi, nhanh chóng, hợp lệ.

5. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông phải được thông qua khi có từ **65%** trở lên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.

6. Nội dung cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được Thư ký đại hội ghi chép đầy đủ vào biên bản của cuộc họp. Biên bản này được đọc và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp và được lưu giữ tại sổ biên bản của công ty.

7. Các cổ đông và đại diện cổ đông tham dự cam kết giữ bí mật các công việc thuộc nội bộ công ty được thảo luận tại phiên họp.

8. Các quy định bắt buộc để đại hội được diễn ra thuận lợi:

- Các cổ đông đến dự Đại hội đề nghị ăn mặc nghiêm túc, lịch sự;
- Không nói chuyện riêng, lắng nghe, theo dõi chương trình của Đại hội, tôn trọng ý kiến phát biểu của đại biểu;
- Để điện thoại ở chế độ rung hoặc tắt;
- Không được mang vũ khí, chất gây cháy, nổ vào hội trường và nơi phục vụ trong thời gian đại hội;
- Khi cổ đông nào muốn phát biểu đề nghị giơ tay và khi nào chủ tọa mời thì mới phát biểu.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Số : 170/BC-CSHB

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 26 tháng 02 năm 2010

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2009
CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU HÒA BÌNH****I. Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình tài chính năm 2009:**

- Thị trường tiêu thụ cao su có nhiều thuận lợi, giá bán cao su trong năm có xu hướng tăng là nhân tố quan trọng nhất giúp Công ty thực hiện vượt kế hoạch doanh thu và lợi nhuận. Tuy vậy giá bán bình quân thấp hơn năm trước 9,4 triệu đồng/tấn, làm giảm doanh thu 59.230 triệu đồng;
- Năm 2009 Công ty thực hiện thanh lý 503 ha cao su hết tuổi khai thác. Ước giảm sản lượng cao su 760 tấn, làm giảm lợi nhuận 5.530 triệu đồng. Nhưng tăng lợi nhuận cây cao su thanh lý 13.563 triệu đồng;
- Công ty tiếp tục được hưởng chính sách miễn, giảm thuế theo quy định của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty cổ phần. Năm 2009 Công ty được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp. Năm 2009 số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp nhà nước 6.067 triệu đồng, tỷ lệ 8,5% so với lợi nhuận trước thuế, thuế suất được giảm 16,5% giúp làm tăng lợi nhuận sau thuế 11.800 triệu đồng;
- Góp vốn đầu tư tài chính ngoài doanh nghiệp trong năm 71.750 triệu đồng (trong đó góp vốn trồng mới cao su 64.530 triệu đồng). Lũy kế đầu tư tài chính đến ngày 31/12/2009 là 248.220 triệu đồng, lớn hơn 1,44 lần vốn Điều lệ Công ty. Các dự án góp vốn phần lớn đang trong giai đoạn XD/CB, vì vậy lợi nhuận đầu tư tài chính trong năm chỉ đạt 1.497 triệu đồng, tương ứng 0,6% tổng vốn đầu tư tài chính.

II. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2009.

- Diện tích cao su khai thác 3.380 ha;
- Năng suất khai thác 1.514 kg/ha;
- Sản lượng cao su khai thác 5.118 tấn, vượt kế hoạch 2,36%. Nhưng giảm 545 tấn so năm 2008, tương ứng giảm 9,62%
- Sản lượng cao su thu mua 688 tấn;
- Thành phẩm cao su tiêu thụ 6.301 tấn, đạt 100% kế hoạch
- Giá thành tiêu thụ cao su bình quân 27,04 triệu đồng/tấn

Trong đó: Giá thành tiêu thụ cao su khai thác 25,75 triệu đồng/tấn

- Giá bán bình quân 32,15 triệu đồng/tấn, tăng 10,15 triệu đồng/tấn so với giá bán kế hoạch. Nhưng thấp hơn năm trước 9,4 triệu đồng/tấn;
- Tổng doanh thu 232.026 triệu đồng, vượt kế hoạch 43,58% (trong đó: doanh thu cao su 202.598 triệu đồng, vượt kế hoạch 46,18%). Tuy nhiên tổng doanh thu năm 2009 thấp hơn năm 2008 là 94.734 triệu đồng, tương ứng thấp hơn 28,99%;
- Lợi nhuận trước thuế 71.523 triệu đồng, vượt kế hoạch 76%. Nhưng giảm so năm 2008 là 16.502 triệu đồng, tương ứng giảm 18,75%;

- Lợi nhuận sau thuế 65.456 triệu đồng, vượt kế hoạch 75,81%. Nhưng giảm so năm 2008 là 22.569 triệu đồng, tương ứng giảm 25,64%.

III. Đầu tư xây dựng cơ bản và đầu tư tài chính dài hạn năm 2009:

Tổng vốn thực hiện đầu tư XDCB và đầu tư tài chính dài hạn **95.762 triệu đồng**, vượt kế hoạch **26.744 triệu đồng** (lý do: bổ sung kế hoạch góp vốn đầu tư mới vào Công ty cổ phần cao su Bà Rịa – Kampong Thom 30.750 triệu đồng).

Chi tiết danh mục thực hiện đầu tư năm 2009 như sau:

1. Đầu tư XDCB trong doanh nghiệp	: 24.012 triệu đồng
- Tái canh trồng mới 506,6 ha và chăm sóc 1.210 ha cao su KTCB	: 23.078 triệu đồng
- XDCB khác	: 934 triệu đồng
2. Đầu tư tài chính dài hạn ngoài doanh nghiệp	: 71.750 triệu đồng
- Công ty CP cao su Việt Lào	: 11.000 triệu đồng
- Công ty CP cao su Bà Rịa-Kampong Thom	: 30.750 triệu đồng
- Công ty CP cao su Lai Châu	: 21.680 triệu đồng
- Công ty CP cao su Bình Long- Tà Thiết	: 1.100 triệu đồng
- Công ty CP khu công nghiệp Long Khánh	: 7.220 triệu đồng

* *Lũy kế đầu tư tài chính dài hạn ngoài doanh nghiệp đến 31/12/2009 là 248.220 triệu đồng.*

IV. Tình hình tài sản và nguồn vốn của Công ty tại ngày 31/12/2009:

- Tổng tài sản 436.749 triệu đồng, tăng so với đầu năm 12,66%. Trong đó: tài sản ngắn hạn 106.552 triệu đồng (tỷ lệ 24,4% so với tổng tài sản), tài sản dài hạn 330.197 triệu đồng (tỷ lệ 75,6% so với tổng tài sản);

- Tổng nguồn vốn 436.749 triệu đồng, tăng so với đầu năm 12,66%. Trong đó: nợ phải trả 67.689 triệu đồng (tỷ lệ 15,5% so với tổng nguồn vốn), nguồn vốn chủ sở hữu 369.060 triệu đồng (tỷ lệ 84,5% so với tổng nguồn vốn);

- Vốn chủ sở hữu 360.838 triệu đồng, tăng 14,53% so với đầu năm. Giá trị sổ sách kế toán tại thời điểm ngày 31/12/2009 đạt 21.027 đồng/cổ phiếu (Sau khi chia cổ tức và trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2009, giá trị sổ sách kế toán còn lại 18.508 đồng/cổ phiếu).

V. Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả kinh doanh năm 2009:

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng doanh thu 28,2%, cao hơn năm trước 1,3%;

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản 15%, thấp hơn năm trước 7,7%;

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân 19,7 %, thấp hơn năm trước 8%;

- Thu nhập trên mỗi cổ phiếu (EPS) 3.814 đồng, thấp hơn năm trước 1.315 đồng, tương ứng thấp hơn 25,64%.

VI. Kiểm toán báo cáo tài chính năm 2009

- Báo cáo tài chính của Công ty đã thực hiện công bố thông tin theo đúng quy định gồm có: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh báo cáo tài chính; Báo cáo kiểm toán;

- Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH kiểm toán và Tư vấn tài chính (IFC-ACA Group);

- Ý kiến của kiểm toán độc lập:

“Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam”.

Nơi nhận :

- Cổ đông dự ĐH đồng cổ đông năm 2009
- Lưu : VT

GIÁM ĐỐC *MH*



Huỳnh Ngọc Hiếu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2009

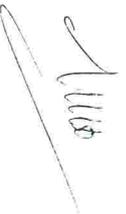
STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2008	Kế hoạch năm 2009	Thực hiện năm 2009	So sánh (%)	
						TH2009/ TH2008	TH2009/ KH2009
A	SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ NĂM 2009						
I	Diện tích cao su	Ha	5.094,45	5.096,60	5.096,60	100,04	100,00
1	Diện tích cao su khai thác	Ha	3.884,45	3.380,00	3.380,00	87,01	100,00
2	Diện tích cao su KTCB	Ha	692,55	1.210,00	1.210,00	174,72	100,00
3	Diện tích cao su thanh lý tái canh	Ha	507,03	503,00	503,00	99,20	100,00
4	Diện tích cao su trồng mới	Ha	10,42	3,60	3,60	34,55	100,00
II	Năng suất bình quân	Tấn/ha	1,46	1,48	1,51	103,87	102,36
III	Sản lượng cao su						
1	Sản lượng cao su tồn kho đầu năm	Tấn	1.337,347	1.229,973	1.229,973	91,97	100,00
2	Sản lượng cao su khai thác	Tấn	5.662,686	5.000,000	5.118,091	90,38	102,36
3	Sản lượng cao su thu mua	Tấn	1.201,812	1.300,000	688,556	57,29	52,97
4	Sản lượng cao su tiêu thụ	Tấn	6.975,227	6.300,000	6.301,178	90,34	100,02
	<i>Xuất khẩu + UTXK</i>	<i>Tấn</i>	<i>3.518,367</i>	<i>3.775,000</i>	<i>3.469,320</i>	<i>98,61</i>	<i>91,90</i>
	<i>Nội tiêu</i>	<i>Tấn</i>	<i>3.456,860</i>	<i>2.525,000</i>	<i>2.831,858</i>	<i>81,92</i>	<i>112,15</i>
5	Sản lượng cao su tồn kho cuối năm	Tấn	1.299,973	1.229,973	732,774	56,37	59,58
IV	Giá bán bình quân	đồng/tấn	41.551.162	22.000.000	32.152.496	77,38	146,15
B	KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2009						
I	Tổng doanh thu	đồng	326.760.142.152	161.600.000.000	232.026.318.611	71,01	143,58
1	Doanh thu tiêu thụ cao su	đồng	289.828.788.790	138.600.000.000	202.598.599.286	69,90	146,18
	<i>Doanh thu tiêu thụ cao su khai thác</i>	<i>đồng</i>	<i>243.559.813.665</i>	<i>110.000.000.000</i>	<i>176.743.046.817</i>	<i>72,57</i>	<i>160,68</i>
	<i>Doanh thu tiêu thụ cao su thu mua</i>	<i>đồng</i>	<i>46.268.975.125</i>	<i>28.600.000.000</i>	<i>25.855.552.469</i>	<i>55,88</i>	<i>90,40</i>
2	Doanh thu tiêu thụ hàng hóa khác	đồng	147.218.182	-	46.378.356	31,50	
3	Doanh thu tài chính	đồng	13.473.412.070	5.150.000.000	10.948.753.790	81,26	212,60
	<i>Doanh thu DT ngoài DN (lợi nhuận sau thuế)</i>	<i>đồng</i>	<i>954.750.000</i>		<i>1.496.500.000</i>	<i>156,74</i>	

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2008	Kế hoạch năm 2009	Thực hiện năm 2009	So sánh (%)	
						TH2009/ TH2008	TH2009/ KH2009
4	Doanh thu tài chính trong doanh nghiệp	đồng	12.518.662.070		9.452.253.790	75,51	
	Doanh thu khác	đồng	23.310.723.110	17.850.000.000	18.432.587.179	79,07	103,26
	Doanh thu thanh lý vốn cao su	đồng	20.510.269.461		16.138.850.650	78,69	
	Doanh thu khác	đồng	2.800.453.649		2.293.736.529	81,91	
II	Tổng chi phí sản xuất kinh doanh	đồng	238.735.553.326	120.976.818.000	160.503.374.015	67,23	132,67
1	Tổng giá thành sản xuất cao su	đồng	186.579.243.689	106.243.318.000	156.104.156.839	83,67	146,93
	Tổng giá thành SX cao su khai thác	đồng	141.286.021.240		130.689.359.329	92,50	
	Tổng giá thành SX cao su thu mua	đồng	45.293.222.449		25.414.797.510	56,11	
2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	đồng	4.311.925.090	-	(4.311.925.090)	27,51	
3	Tổng giá thành hàng hóa khác	đồng	134.174.400	-	36.910.616	71,22	128,05
4	Chi phí bán hàng	đồng	5.663.195.584	3.150.000.000	4.033.477.963	76,65	
	Chi phí bán hàng cao su khai thác	đồng	4.687.442.908		3.592.723.004	45,17	
	Chi phí bán hàng cao su thu mua	đồng	975.752.676		440.754.959	102,25	155,46
5	Chi phí quản lý doanh nghiệp	đồng	10.009.123.194	6.583.500.000	10.234.582.452	139,78	58,43
6	Chi phí hoạt động tài chính	đồng	418.025.620	1.000.000.000	584.298.809	139,78	
	Chi phí đầu tư tài chính ngoài doanh nghiệp	đồng	-		-		
	Chi phí tài chính trong doanh nghiệp	đồng	418.025.620		584.298.809	139,78	
7	Dự phòng đầu tư tài chính	đồng	26.700.980.800		(9.525.380.000)	(35,67)	
8	Chi phí khác	đồng	4.918.884.949	4.000.000.000	3.347.252.426	68,05	83,68
	Chi phí thanh lý vốn cao su	đồng	3.145.778.935		2.575.400.613	81,87	
	Chi phí khác	đồng	1.773.106.014		771.851.813	43,53	
III	Lợi nhuận trước thuế	đồng	88.024.588.826	40.623.182.000	71.522.944.596	81,25	176,06
1	Lợi nhuận cao su	đồng	87.577.226.323	22.623.182.000	32.226.382.032	36,80	142,45
	Lợi nhuận cao su khai thác	đồng	87.577.226.323		32.226.382.032	36,80	
	Lợi nhuận cao su thu mua	đồng	-		-		
2	Dự phòng giảm giá cao su	đồng	(4.311.925.090)		4.311.925.090		

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2008	Kế hoạch năm 2009	Thực hiện năm 2009	So sánh (%)	
						TH2009/ TH2008	TH2009/ KH2009
3	Lợi nhuận hàng hóa khác	đồng	13.043.782	-	9.467.740	72,58	
4	Lợi nhuận hoạt động tài chính	đồng	13.055.386.450	4.150.000.000	10.364.454.981	79,39	249,75
	Lợi nhuận đầu tư tài chính ngoài DN	đồng	954.750.000		1.496.500.000	156,74	
	Lợi nhuận đầu tư tài chính trong DN	đồng	12.100.636.450		8.867.954.981	73,29	
5	Dự phòng đầu tư tài chính	đồng	(26.700.980.800)		9.525.380.000	(35,67)	
6	Lợi nhuận khác	đồng	18.391.838.161	13.850.000.000	15.085.334.753	82,02	108,92
	Lợi nhuận thanh lý vườn cao su	đồng	17.364.490.526		13.563.450.037	78,11	
	Lợi nhuận khác	đồng	1.027.347.635		1.521.884.716	148,14	
IV	Thuế thu nhập doanh nghiệp	đồng	-	3.392.989.000	6.066.842.616		178,81
V	Lợi nhuận sau thuế	đồng	88.024.588.826	37.230.193.000	65.456.101.980	74,36	175,81
VI	Khối lượng cổ phiếu lưu hành	cổ phiếu	17.160.970	17.160.970	17.160.970	100,00	100,00
VII	Thu nhập trên mỗi cổ phiếu (EPS)	đồng	5.129	2.169	3.814	74,36	175,81
VIII	Mức cổ tức	đồng/CP	3.000	2.000	2.000	66,67	100,00
C	BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN NGÀY 31/12/2009						
I	TÀI SẢN NGẮN HẠN	đồng	148.649.913.362		106.551.681.682	71,68	
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	đồng	12.748.104.940		54.990.587.151	431,36	
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	đồng	90.500.000.000		15.000.000.000	16,57	
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	đồng	15.239.863.551		16.144.212.895	105,93	
4	Hàng tồn kho	đồng	29.858.584.277		20.416.881.636	68,38	
5	Tài sản ngắn hạn khác	đồng	303.360.594		-	-	
II	TÀI SẢN DÀI HẠN	đồng	239.003.234.661		330.196.938.767	138,16	
1	Các khoản phải thu dài hạn	đồng	99.900.000		95.800.000	95,90	
2	Tài sản cố định	đồng	88.037.118.289		98.429.293.824	111,80	
	Tài sản cố định hữu hình	đồng	51.678.427.395		39.606.128.070	76,64	
	Tài sản cố định vô hình	đồng	1.428.118.480		1.535.243.029	107,50	
	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	đồng	34.930.572.414		57.287.922.725	164,01	

STT	Chi tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2008	Kế hoạch năm 2009	Thực hiện năm 2009	So sánh (%)	
						TH2009/ TH2008	TH2009/ KH2009
3	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	đồng	149.769.365.670		231.044.745.670	154,27	
4	Tài sản dài hạn khác	đồng	1.096.850.702		627.099.273	57,17	
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	đồng	387.653.148.023		436.748.620.449	112,66	
I	NỢ PHẢI TRẢ	đồng	65.634.434.656		67.689.352.524	103,13	
1	Nợ ngắn hạn	đồng	62.017.449.857		56.898.723.140	91,75	
2	Nợ dài hạn	đồng	3.616.984.799		10.790.629.384	298,33	
II	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	đồng	322.018.713.367		369.059.267.925	114,61	
1	Vốn chủ sở hữu	đồng	315.054.125.194		360.838.297.777	114,53	
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	đồng	172.609.760.000		172.609.760.000	100,00	
	Thặng dư vốn cổ phần	đồng	2.372.608.450		2.372.608.450	100,00	
	Cổ phiếu quỹ	đồng	(14.047.089.295)		(14.047.089.295)	100,00	
	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	đồng	-		28.555.603		
	Quỹ đầu tư phát triển	đồng	32.393.279.532		53.698.326.664	165,77	
	Quỹ dự phòng tài chính	đồng	19.050.000.000		19.050.000.000	100,00	
	Lợi nhuận chưa phân phối năm trước	đồng	57.553.402.681		61.670.034.375	107,15	
	Lợi nhuận chưa phân phối năm nay	đồng	45.122.163.826		65.456.101.980	145,06	
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	đồng	6.964.588.173		8.220.970.148	118,04	
	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	đồng	5.980.100.074		6.734.616.197	112,62	
	Quỹ khen thưởng, phúc lợi đã hình thành TSCĐ	đồng	984.488.099		1.486.353.951	150,98	
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	đồng	387.653.148.023		436.748.620.449	112,66	

Người lập biểu



Bà Rịa - Vũng Tàu, Ngày 22 Tháng 02 Năm 2010

Giám đốc



Huỳnh Ngọc Hiếu



Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 11 tháng 02 năm 2010

BÁO CÁO THẨM TRA
Báo cáo tài chính và hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2009
Công ty cổ phần cao su Hòa Bình

Căn cứ Điều 123 của Luật Doanh nghiệp và Điều 37 của Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần cao su Hòa Bình quy định quyền hạn và trách nhiệm của Ban kiểm soát.

Ban Kiểm soát Công ty cổ phần cao su Hòa Bình xin báo cáo trước Đại hội cổ đông thường niên 2009 về thẩm tra tài chính và công tác điều hành, quản lý của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần cao su Hòa Bình trong năm 2009 với những nội dung cụ thể như sau:

1. THẨM TRA BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2009

Căn cứ để kiểm tra Báo cáo tài chính là Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Quy chế quản lý tài chính của Công ty ban hành theo Quyết định số 512/QĐ/CSHB ngày 05 tháng 6 năm 2008 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty và các quy định thuộc nội bộ Công ty.

Công việc thẩm tra của Ban kiểm soát bao gồm việc kiểm tra bằng chứng về số liệu và tài liệu đã được công bố trên Báo cáo tài chính, kiểm tra việc tuân thủ các chính sách chế độ tài chính, kế toán của Nhà nước, những quy định nội bộ Công ty; kiểm tra và đánh giá tính hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kế toán Công ty.

Theo ý kiến của Ban kiểm soát, Báo cáo tài chính năm 2009 đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm 2009 của Công ty; đồng thời phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

2. CÔNG TÁC ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

2.1. Hội đồng quản trị thực hiện đúng quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế quản trị của Công ty.

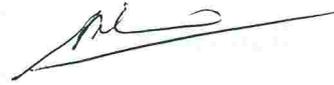
2.2. Thực hiện tốt công tác giám sát đối với Giám đốc và những người quản lý khác tại Công ty điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các nghị quyết của Hội đồng quản trị.

3. KIẾN NGHỊ:

Để thực hiện tốt phương án sản xuất kinh doanh năm 2010, Ban điều hành Công ty cần tăng cường công tác thu mua mù cao su của tiểu điền, công tác đầu tư xây dựng cơ bản và đầu tư tài chính dài hạn.

Trên đây là báo cáo thẩm tra báo cáo tài chính và hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2009 Công ty cổ phần cao su Hòa Bình để Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định./.

**T/M BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Trần Minh Đợi

Số : 171/BC-CSHB

Bà Rịa.- Vũng Tàu, ngày 26 tháng 02 năm 2010

BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2009
CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU HÒA BÌNH

I. GIỚI THIỆU CÔNG TY:

- Tên doanh nghiệp: **CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU HÒA BÌNH**
- Địa chỉ văn phòng: Xã Hòa Bình, Huyện Xuyên Mộc, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
- Điện thoại: 064 3872103 - 064 3872104 - 064 3873482
- Fax: 064 3873495 Websites: www.horuco.com.vn Email: horuco@horuco.com.vn
- Ngành nghề sản xuất kinh doanh chính hiện nay: sản xuất mủ cao su cốm (SVR CV60, SVR CV50, SVR 3L, SVR 10) và đầu tư trồng mới cao su ngoài doanh nghiệp (Lào, Campuchia, Lai Châu);
- Vốn Điều lệ hiện nay 172,6 tỷ đồng (trong đó: vốn thuộc sở hữu nhà nước 55%);
- Diện tích cao su trong doanh nghiệp ngày 01/01/2010 là 5.096,6 ha (trong đó DT cao su kiến thiết cơ bản 1.716,6 ha);
- 01 nhà máy chế biến cao su 6.000 tấn/năm;
- Tổng số lao động hiện nay 1.760 người, trong đó nhân viên quản lý 90 người;
- Cơ cấu tổ chức quản lý: HĐQT 5 người, Ban giám đốc 4 người, 6 đội sản xuất, 1 nhà máy chế biến cao su, 4 phòng nghiệp vụ, 1 ban bảo vệ
- Tổng số cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng 10/02/2010 để tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2009 là 2690 cổ đông.

Trong đó:

- + Cổ đông là Nhà nước 01 người đại diện, sở hữu 9.504.000 CP, tỷ lệ 55,06%
- + Các tổ chức và cá nhân trong nước: 2.438 cổ đông, sở hữu 4.487.780 CP, tỷ lệ 26,00 %
- + Các tổ chức và cá nhân nước ngoài: 251 cổ đông, sở hữu 3.169.190 CP, tỷ lệ 18,36 %
- + Cổ phiếu quỹ Công ty: 100.006 CP, tỷ lệ 0,58%

II. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

Căn cứ quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều lệ Công ty. Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2009 các nội dung như sau:

1. Các quyết định quan trọng của Hội đồng quản trị trong năm 2009:

Trong năm 2009 Hội đồng quản trị đã họp 11 lần, ban hành 14 Nghị quyết HĐQT. Nội dung chủ yếu của các Nghị quyết HĐQT ban hành để thực hiện như sau:

1.1. Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty:

- Quyết định tổng mức góp vốn vào Công ty cổ phần cao su Bà Rịa – Kampong Thom 90 tỷ đồng (tương ứng 30% vốn điều lệ) để đầu tư trồng mới cao su tại Campuchia;
- Quyết định góp vốn tăng vốn điều lệ tại Công ty cổ phần cao su Lai Châu từ 200 tỷ đồng lên 500 tỷ đồng. Công ty cổ phần cao su Hòa Bình góp 15% vốn Điều lệ, tương ứng 75 tỷ đồng (tăng thêm 42 tỷ đồng);
- Quyết định thanh lý tái canh cao su năm 2010 là 505,73 ha;

1.2. Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2009:

- + Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2008 về việc: Ủy quyền Hội đồng quản trị chọn đơn vị kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2009 của Công ty. Hội đồng quản trị đã quyết định chọn Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn tài chính (IFC-ACA Group), là đơn vị kiểm toán độc lập được sự chấp thuận của Nhà nước, thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2009 của Công ty cổ phần cao su Hòa Bình;
- + Căn cứ báo cáo thẩm tra của Ban kiểm soát Công ty đối với Báo cáo tài chính năm 2009 của Công ty cổ phần cao su Hòa Bình.

Hội đồng quản trị đã tiến hành xem xét và nhất trí thông qua Báo cáo tài chính năm 2009 của Công ty cổ phần cao su Hòa Bình, nội dung Báo cáo tài chính năm 2009 đã được công bố thông tin đúng quy định.

1.3. Về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý Công ty trong năm 2009:

- Miễn nhiệm Giám đốc Công ty đối với Ông Huỳnh Văn Bảo. Lý do, nhận nhiệm vụ mới theo quyết định của Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam;
- Bổ nhiệm Ông Huỳnh Ngọc Hiếu, UV.HĐQT, Phó Giám đốc Công ty giữ chức vụ Giám đốc Công ty từ ngày 20/4/2009;
- Bổ nhiệm 3 Phó giám đốc Công ty, 1 kế toán trưởng, 2 Đội trưởng và 2 Đội phó sản xuất;

2. Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý Công ty:

- Hội đồng quản trị họp định kỳ mỗi quý một lần để sơ kết tình hình hoạt động kinh doanh quý trước và quyết định kế hoạch kinh doanh quý sau. Thông qua hội nghị để đánh giá hoạt động điều hành của Giám đốc và các cán bộ quản lý Công ty về việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của HĐQT Công ty;
- Chủ tịch và các ủy viên HĐQT tham dự đầy đủ các cuộc họp giao ban hàng tháng do Giám đốc Công ty mời. Thông qua các cuộc họp giao ban để góp ý kiến về kế hoạch kinh doanh, công việc điều hành của Giám đốc và các cán bộ quản lý Công ty;

III. THÙ LAO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY:

1. Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty năm 2009:

- Căn cứ quyết định của Đại hội đồng thường niên năm 2008, mức thù lao HĐQT và Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định: Vượt kế hoạch lợi nhuận được chi trả 0,5% lợi nhuận, không đạt kế hoạch lợi nhuận được chi trả 0,35% lợi nhuận, mức thù lao của mỗi thành viên do HĐQT quyết định;

- Lợi nhuận sau thuế năm 2009 của Công ty là **65.456.101.980 đồng**, vượt kế hoạch **75,81%**. Số tiền thù lao HĐQT và Ban kiểm soát được chi trả **327.280.000 đồng** (tương ứng 0,5% lợi nhuận sau thuế). Số tiền chi trả cho từng thành viên như sau:

+ Ông Nguyễn Công Tài – Chủ tịch HĐQT.	:	63.800.000 đồng
+ Ông Huỳnh Văn Bảo – UV. HĐQT	:	42.500.000 đồng
+ Ông Huỳnh Ngọc Hiếu – UV. HĐQT	:	42.500.000 đồng
+ Ông Lê Hào – UV. HĐQT	:	42.500.000 đồng
+ Bà Võ Thị Thủy – UV. HĐQT	:	42.500.000 đồng
+ Ông Trần Minh Đợi – TBKS	:	31.900.000 đồng
+ Ông Nguyễn Ngọc Thịnh – UV.BKS	:	21.190.000 đồng
+ Ông Bành Mạnh Đức – UV.BKS kiêm Thư ký HĐQT	:	33.990.000 đồng
+ Nhân viên giúp việc HĐQT	:	6.400.000 đồng
<u>Tổng cộng:</u>		<u>327.280.000 đồng</u>

2. Đề xuất mức thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty năm 2010:

Hội đồng quản trị kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định về mức thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty năm 2010 như sau:

- Kết quả kinh doanh vượt kế hoạch lợi nhuận thì mức thù lao được chi trả là 0,5% lợi nhuận sau thuế;
- Kết quả kinh doanh bằng hoặc thấp hơn kế hoạch lợi nhuận thì mức chi trả là 0,35% lợi nhuận sau thuế;
- Mức chi trả thù lao cho từng thành viên do HĐQT quyết định.

IV. ĐỀ XUẤT PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2009:

Căn cứ lợi nhuận đạt được của năm 2009; Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2008; Căn cứ quy định tại Điều 43 Điều lệ Công ty về việc trích các loại quỹ của Công ty.

Hội đồng quản trị đề xuất phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2009 và phương án sử dụng số tiền lợi nhuận chưa phân phối để lại như sau:

1. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2009 như sau:

- Thuế TNDN được giảm 50% (bổ sung quỹ ĐTPT)	:	6.067.000.000 đồng
- Trích quỹ đầu tư phát triển 10% lợi nhuận sau thuế	:	5.939.000.000 đồng
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi 15% lợi nhuận sau thuế	:	8.908.000.000 đồng
- Chia cổ tức bằng tiền 2.000 đồng/ cổ phiếu (20% vốn Điều lệ)	:	34.321.940.000 đồng
- Lợi nhuận chưa phân phối để lại	:	10.220.161.980 đồng

Tổng cộng: **65.456.101.980 đồng**

2. Phương án sử dụng số tiền lợi nhuận chưa phân phối để lại:

- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2008, chấp thuận ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty có phương án sử dụng hợp lý số tiền lợi nhuận chưa phân phối lũy kế

trước năm 2009 để lại **61.670.034.375 đồng**, để đầu tư vào hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả nhằm tăng lợi nhuận cho Công ty;

- Hội đồng quản trị đề xuất Đại hội đồng cổ đông chấp thuận để lại số tiền lợi nhuận chưa phân phối năm 2009 là **10.220.161.980 đồng** để bổ sung vốn đầu tư dài hạn. Lũy kế tổng số tiền lợi nhuận chưa phân phối bổ sung vốn đầu tư dài hạn đến ngày 12/3/2010 là **71.890.196.355 đồng**;

- Phương án sử dụng vốn đầu tư dài hạn được trình Đại hội đồng cổ đông tại Báo cáo kế hoạch năm 2010 và kế hoạch dài hạn 2010 – 2015.

V. ĐỀ XUẤT PHÊ CHUẨN GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH CÔNG TY:

- Năm 2009 HĐQT đã quyết định Bổ nhiệm Ông Huỳnh Ngọc Hiếu, thành viên HĐQT giữ chức vụ Giám đốc điều hành Công ty. Thay thế Ông Huỳnh Văn Bảo được Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam điều động nhận nhiệm vụ mới.

- Hội đồng quản trị đề xuất Đại hội đồng cổ đông chấp thuận phê chuẩn việc Bổ nhiệm Giám đốc điều hành Công ty đối với Ông Huỳnh Ngọc Hiếu.

VI. ĐỀ XUẤT CHỌN CÔNG TY KIỂM TOÁN NĂM 2010:

Đề xuất Đại hội đồng cổ đông chấp thuận ủy quyền cho Hội đồng quản trị được chọn một trong những đơn vị kiểm toán được chấp thuận theo quy định của Chính phủ và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, để thực hiện soát xét Báo cáo tài chính bán niên năm 2010 (sáu tháng đầu năm) và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2010 của Công ty cổ phần cao su Hòa Bình.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2009 xem xét quyết định./- *NS*

Nơi nhận :

- Cổ đông dự ĐH đồng cổ đông năm 2009
- Lưu : VT

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Chủ tịch



Nguyễn Công Tài

Số : 172/BC-CSHB

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 26 tháng 02 năm 2010

BÁO CÁO**KẾ HOẠCH NĂM 2010 VÀ KẾ HOẠCH DÀI HẠN 2010-2015
CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU HÒA BÌNH****I. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH 2004 – 2009**

- Sản lượng cao su khai thác 43.102 tấn (bình quân 7.184 tấn/năm);
- Thành phẩm cao su tiêu thụ 48.319 tấn (bình quân 8.053 tấn/năm);
- Giá bán bình quân : 30,13 triệu đồng/tấn;
- Tổng doanh thu 1.611 tỷ đồng, bình quân 268,5 tỷ đồng/năm (trong đó: doanh thu cao su khai thác 1.263 tỷ đồng – bình quân 210,5 tỷ đồng/năm);
- Tổng lợi nhuận sau thuế 562 tỷ đồng (bình quân 93,7 tỷ đồng/năm);
- Thu nhập trên mỗi cổ phiếu (EPS) 44.968 đồng (bình quân 7.007 đồng/CP/năm).

II. KẾ HOẠCH NĂM 2010**1. Sản xuất và tiêu thụ mủ cao su:**

- Diện tích cao su khai thác	:	2.874,27 ha
- Năng suất	:	1,48 tấn/ha
- Sản lượng cao su khai thác	:	4.260 tấn
- Sản lượng cao su thu mua	:	800 tấn
- Sản lượng cao su tiêu thụ	:	5.090 tấn

2. Kết quả sản xuất kinh doanh:

- Giá thành tiêu thụ bình quân	:	26,26 triệu đồng/tấn
<i>Trong đó: Giá thành tiêu thụ cao su khai thác</i>	:	<i>24,87 triệu đồng/tấn</i>
- Giá bán bình quân	:	34,00 triệu đồng/tấn
- Tổng doanh thu	:	199.879 triệu đồng
<i>Trong đó: Doanh thu tiêu thụ cao su</i>	:	<i>173.060 triệu đồng</i>
- Lợi nhuận trước thuế	:	60.400 triệu đồng
- Chia cổ tức bằng tiền	:	15% so vốn Điều lệ

3. Tái canh, chăm sóc cao su KTCB:

- Diện tích tái canh	:	505,73 ha
- Diện tích chăm sóc KTCB	:	1.716,60 ha

4. Đầu tư XDCB và đầu tư tài chính dài hạn : **110.529 triệu đồng**

4.1. Đầu tư XDCB : **36.369 triệu đồng**

Trong đó: Xây lắp nông nghiệp : *26.992 triệu đồng*

4.2. Đầu tư tài chính dài hạn : **74.160 triệu đồng**

- Công ty cổ phần cao su Lai Châu	:	34.500 triệu đồng
- Công ty cổ phần cao su Bà Rịa – Kampong Thom	:	30.000 triệu đồng
- Công ty cổ phần cao su Bình Long – Tà Thiết	:	1.300 triệu đồng
- Công ty cổ phần Khu công nghiệp Long Khánh	:	8.360 triệu đồng

III. KẾ HOẠCH DÀI HẠN 2010 – 2015

1. Kế hoạch tái canh, trồng mới cao su trong doanh nghiệp

- Diện tích : 5.096,6 ha
- Thời gian thực hiện 11 năm (2006 – 2016);
- Đã thực hiện 4 năm (2006 – 2009): 1.716,6 ha;
- KH còn lại 7 năm (2010 – 2016): 3.380 ha (BQ 483 ha/năm);

2. Kế hoạch đầu tư trồng mới cao su ngoài doanh nghiệp

- Dự kiến tổng vốn đầu tư từ năm 2005 đến năm 2012 là **258 tỷ đồng**, tương ứng diện tích cao su 4.750 ha;

- Đã góp vốn đến 31/12/2009 : **150,15 tỷ đồng**, số còn lại phải góp đến 2012 là **107,85 tỷ đồng**

- Dự kiến thu nhập từ đầu tư trồng cao su ngoài doanh nghiệp:

+ Công ty cổ phần cao su Việt Lào: khai thác từ năm 2011 (1.642 ha), đến 2014 khai thác 100% diện tích (10.000 ha). Dự kiến có thu nhập cổ tức từ năm 2012 và có mức cổ tức cao từ năm 2014;

+ Công ty cổ phần cao su Lai Châu: khai thác từ năm 2014 (870 ha), đến 2018 khai thác 100% diện tích (10.000 ha). Dự kiến có thu nhập cổ tức từ năm 2015 và có mức cổ tức cao từ năm 2018;

+ Công ty cổ phần cao su Bà Rịa – Kampong Thom: khai thác từ năm 2015 (685 ha), đến năm 2017 khai thác 100% diện tích (5.500 ha). Dự kiến có thu nhập cổ tức từ năm 2016 và có mức cổ tức cao từ năm 2017;

+ Công ty cổ phần cao su Bình Long – Tà Thiết: khai thác từ năm 2014 (57 ha), đến năm 2017 khai thác 100% diện tích (1.000 ha). Dự kiến có thu nhập cổ tức từ năm 2015 và có mức cổ tức cao từ năm 2017;

* Công ty cổ phần cao su Hòa Bình không còn khả năng gia tăng diện tích trồng cao su trong doanh nghiệp, do đó việc thực hiện kế hoạch góp vốn đầu tư ngoài doanh nghiệp để gia tăng quy mô SXKD ngành chính và gia tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp là phù hợp.

3. Kế hoạch đầu tư dài hạn khác ngoài doanh nghiệp

- Dự kiến tổng vốn đầu tư từ năm 2006 đến năm 2010 là **106,43 tỷ đồng**, đã đầu tư đến 31/12/2009 là **98,07 tỷ đồng**, số còn lại phải góp đến 2010 là **8,36 tỷ đồng** (CTCP KCN Long Khánh);

- Dự kiến giảm vốn đầu tư dài hạn khác ngoài doanh nghiệp:

+ Năm 2010 bán 2 CP (GTA và DPR)	:	2,57 tỷ đồng
+ Năm 2010 đáo hạn trái phiếu CP và tiền gửi dài hạn	:	5,20 tỷ đồng
+ Năm 2013 đáo hạn 2 quỹ đầu tư chứng khoán	:	50,00 tỷ đồng

Tổng cộng: 57,77 tỷ đồng

- Tổng vốn đầu tư dài hạn khác ngoài doanh nghiệp năm 2013 còn lại **48,66 tỷ đồng**;

* Công ty sẽ thu hẹp các danh mục đầu tư dài hạn khác để tập trung đầu tư mở rộng ngành sản xuất chính là mủ cao su và gỗ cao su.

4. Dự kiến kết quả sản xuất kinh doanh 2010 – 2015

- Diện tích cao su khai thác bình quân 2.289 ha/ha/năm;
- Năng suất cao su khai thác bình quân 1,33 tấn/ha/năm;
- Sản lượng cao su khai thác 18.270 tấn (BQ 3.045 tấn/năm);
- Sản lượng cao su tiêu thụ 24.000 tấn (BQ 4.000 tấn/năm)
- Dự kiến giá bán bình quân 34 triệu đồng/tấn
- Dự kiến tổng doanh thu 994,96 tỷ đồng, BQ 165,83 tỷ đồng/năm (trong đó doanh thu cao su khai thác 622,2 tỷ đồng, bình quân 103,7 tỷ đồng/năm);
- Dự kiến lợi nhuận trước thuế 302,2 tỷ đồng (BQ 50,4 tỷ đồng/năm)
- Dự kiến lợi nhuận sau thuế 270,3 tỷ đồng (BQ 45 tỷ đồng/năm)

5. Kế hoạch cân đối vốn đầu tư dài hạn 2010 – 2015

- Ngoài việc sử dụng các nguồn vốn của doanh nghiệp để đầu tư (khấu hao TSCĐ, thặng dư vốn, quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính).
- Dự kiến huy động **432,46 tỷ đồng** để bổ sung vốn từ các khoản mục như sau:
 - + Lợi nhuận chưa phân phối trước năm 2010 là **71,89 tỷ đồng** (trong đó lợi nhuận chưa phân phối năm 2009 để lại 10,22 tỷ);
 - + Lợi nhuận chưa phân phối kế hoạch 2010 - 2015 dự kiến **37,80 tỷ đồng**;
 - + Thu hồi giảm vốn đầu tư tài chính từ năm 2010 đến năm 2013 số tiền **57,77 tỷ đồng** (GTA, DPR, trái phiếu CP, tiền gửi dài hạn, 2 quỹ đầu tư chứng khoán);
 - + Vay ngân hàng tái canh cao su (2009 – 2015) dự kiến **265 tỷ đồng** (đã vay năm 2009 là 8,11 tỷ đồng) để đảm bảo cân đối vốn đầu tư dài hạn.

IV. CÁC GIẢI PHÁP CẢI THIỆN DOANH THU VÀ LỢI NHUẬN

1. Giải pháp tăng năng suất khai thác cao su

- Năng suất vườn cao su trồng trước năm 1997 đạt khoảng 30 tấn/ha/20 năm khai thác (bình quân 1,5 tấn/ha/năm). Năm 2005 sản lượng khai thác đạt cao nhất 9.226 tấn (năng suất 1,83 tấn/ha);
- Kế hoạch năng suất vườn cao su trồng mới trong giai đoạn 2006 – 2016 (5.096 ha) dự kiến đạt 40 tấn/ha/20 năm khai thác (bình quân 2 tấn/ha/năm);
- Dự kiến sản lượng cao su khai thác trong doanh nghiệp từ 2010 trở đi như sau:
 - + Sản lượng cao su giảm liên tục từ năm 2010 và chạm đáy năm 2014 (2.400 tấn);
 - + Sau năm 2014 sản lượng cao su tăng trưởng trở lại, tuy nhiên phải đến năm 2019 sản lượng cao su khai thác mới có thể đạt trên 5.000 tấn (trung bình năm 2009);
 - + Trong 10 năm liên tục (2022 – 2031) khai thác 100% diện tích cao su (không có cao su XDCB);
 - + Dự kiến sản lượng cao su đạt trên 8.000 tấn/năm từ năm 2022 và đạt đỉnh vào các năm 2029, 2030, 2031 (12.500 tấn/năm, năng suất 2,45 tấn/ha/năm)

2. Giải pháp cơ cấu sản phẩm cao su nguyên liệu

- Chênh lệch giá bán cao su cốm như sau: SVR CV50 cao hơn SVR CV60 là 10 USD/tấn; SVR CV60 cao hơn SVR 3L là 70 USD/tấn;

- Cơ cấu sản phẩm cao su của HRC năm 2009:

+ SVR CV50	:	0,6%
+ SVR CV60	:	22,0%
+ SVR 3L	:	62,0%
+ SVR 10	:	15,0%
+ TP khác	:	0,4%

- Công ty có khả năng gia tăng sản xuất mù SVR CV50 và SVR CV60 ở mức 50% sản lượng khai thác nếu có thị trường tiêu thụ;

- Tăng cường tiếp thị các thị trường mới có nhu cầu về cao su SVR CV50 và SVR CV60;

- Giải pháp tăng cơ cấu sản xuất mù SVR CV50 và SVR CV60 sẽ cải thiện gia tăng thu nhập thêm 70 – 80 USD/tấn và gia tăng lợi nhuận thêm 60 – 70 USD/tấn.

3. Giải pháp chất lượng và uy tín sản phẩm

- Sản xuất sản phẩm phải phù hợp tiêu chuẩn Quốc tế, tiêu chuẩn Việt Nam và theo yêu cầu của khách hàng;

- Cao su nguyên liệu của Công ty được sản xuất theo tiêu chuẩn Việt Nam 3769:1995;

- Công ty đang duy trì và thực hiện tốt hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2000;

4. Các giải pháp khác làm gia tăng thu nhập và lợi nhuận

- Ngoài 3 giải pháp nêu trên, Công ty đã và đang tích cực đầu tư chủ yếu vào các dự án trồng mới cao su tại Lào, Campuchia, Tây Bắc (VN). Các dự án góp vốn đầu tư trồng mới cao su dự kiến sẽ có lợi nhuận cao từ năm 2016 trở đi;

- Công ty đang sở hữu 1,2 triệu cổ phiếu SHB với giá vốn 10.600 VND/CP, thị giá hiện nay gia tăng trên 2 lần;

- Các dự án góp vốn khác (KCN Long Khánh, CTCP thủy sản An Phú) dự kiến có thu nhập từ năm 2010;

- Không ngừng nâng cao chất lượng quản trị doanh nghiệp với mục tiêu hạ giá thành sản phẩm để gia tăng lợi nhuận phù hợp;

- Không ngừng nâng cao uy tín thương hiệu sản phẩm để có giá bán phù hợp.

Trình xin ý kiến thảo luận, góp ý kiến của Đại hội đồng cổ đông ./-

Nơi nhận :

- Cổ đông dự ĐH đồng cổ đông năm 2009
- Lưu : VT



Huỳnh Ngọc Hiếu

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU HÒA BÌNH

KẾ HOẠCH NĂM 2010 VÀ KẾ HOẠCH DÀI HẠN 2010 - 2015

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Tổng cộng
A	SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ								
I	Diện tích cao su	Ha	5.096,60						
1	Diện tích cao su khai thác	Ha	2.874,27	2.373,58	2.101,39	2.087,09	2.107,70	2.159,83	
2	Diện tích cao su KTCB	Ha	1.716,60	2.222,33	2.506,54	2.519,14	2.492,05	2.482,30	
3	Diện tích cao su thanh lý, tái canh	Ha	505,73	500,69	488,67	490,37	496,85	454,47	2.936,78
II	Năng suất bình quân	Tấn/ha	1,48	1,48	1,38	1,20	1,14	1,25	1,33
III	Sản lượng cao su								
1	Sản lượng cao su tồn kho đầu năm	Tấn	733	703,00	703,00	703,00	703,00	703,00	733
2	Sản lượng cao su khai thác	Tấn	4.260	3.510	2.900	2.500	2.400	2.700	18.270
3	Sản lượng cao su thu mua	Tấn	800	900	1.000	1.000	1.000	1.000	5.700
4	Sản lượng cao su tiêu thụ	Tấn	5.090	4.410	3.900	3.500	3.400	3.700	24.000
	Xuất khẩu + UTXK	Tấn	3.300	2.800	2.500	2.200	2.200	2.400	15.400
	Nội tiêu	Tấn	1.790	1.610	1.400	1.300	1.200	1.300	8.600
5	Sản lượng cao su tồn kho cuối năm	Tấn	703	703	703	703	703	703	703
IV	Giá bán bình quân	Tr.đồng/tấn	34						
B	KẾT QUẢ KINH DOANH								
I	Tổng doanh thu	Tr.đồng	199.879	175.551	160.480	149.666	148.868	160.512	994.956
1	Doanh thu tiêu thụ cao su	Tr.đồng	173.060	149.940	132.600	119.000	115.600	125.800	816.000
	Doanh thu tiêu thụ cao su khai thác	Tr.đồng	145.860	119.340	98.600	85.000	81.600	91.800	622.200
3	Doanh thu tiêu thụ cao su thu mua	Tr.đồng	27.200	30.600	34.000	34.000	34.000	34.000	193.800
	Doanh thu tài chính	Tr.đồng	4.050	3.060	6.200	8.560	10.760	14.460	47.090
	Doanh thu đầu tư tài chính ngoài DN	Tr.đồng	2.153	2.060	5.200	7.560	9.760	13.460	40.193
	Doanh thu tài chính trong doanh nghiệp	Tr.đồng	1.897	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	6.897
4	Doanh thu khác	Tr.đồng	22.769	22.551	21.680	22.106	22.508	20.252	131.866
	Doanh thu thanh lý vườn cây cao su	Tr.đồng	21.746	21.530	21.013	21.086	21.365	19.542	126.282
	Doanh thu khác	Tr.đồng	1.023	1.021	667	1.020	1.143	710	5.584

STT	Chi tiêu	Đơn vị tính	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Tổng cộng
II	Giá thành tiêu thụ cao su bình quân	Tr.đồng/lấn	26,26	27,01	27,53	27,77	27,84	27,64	27,26
1	Giá thành sản xuất cao su khai thác	Tr.đồng/lấn	22,17	22,60	22,60	22,60	22,60	22,60	22,50
2	Giá thành sản xuất cao su thu mua	Tr.đồng/lấn	33,00	33,00	33,00	33,00	33,00	33,00	33,00
3	Chi phí bán hàng	Tr.đồng/lấn	0,70	0,70	0,70	0,70	0,70	0,70	0,70
4	Chi phí quản lý DN (trừ thu mua)	Tr.đồng/lấn	2,00	2,00	2,10	2,10	2,10	2,10	2,06
III	Tổng chi phí SXKD	Tr.đồng	139,479	125,551	113,480	103,665	101,367	109,212	692,755
1	Tổng giá thành sản xuất cao su	Tr.đồng	121.502	109.026	98.540	89.500	87.240	94.020	599.828
	Tổng giá thành sản xuất cao su khai thác	Tr.đồng	95.102	79.326	65.540	56.500	54.240	61.020	411.728
2	Tổng giá thành sản xuất cao su thu mua	Tr.đồng	26.400	29.700	33.000	33.000	33.000	33.000	188.100
4	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	Tr.đồng	-	-	-	-	-	-	-
	Chi phí bán hàng	Tr.đồng	3.563	3.087	2.730	2.450	2.380	2.590	16.800
	Chi phí bán hàng cao su khai thác	Tr.đồng	3.003	2.457	2.030	1.750	1.680	1.890	12.810
	Chi phí bán hàng cao su thu mua	Tr.đồng	560	630	700	700	700	700	3.990
5	Chi phí quản lý doanh nghiệp	Tr.đồng	8.580	7.020	6.090	5.250	5.040	5.670	37.650
6	Chi phí tài chính	Tr.đồng	2.644	3.564	3.525	3.754	3.980	4.514	21.981
	Chi phí tài chính đầu tư ngoài d. nghiệp	Tr.đồng	-	-	-	-	-	-	-
	Chi phí tài chính trong doanh nghiệp	Tr.đồng	2.644	3.564	3.525	3.754	3.980	4.514	21.981
7	Dự phòng đầu tư tài chính	Tr.đồng	-	-	-	-	-	-	-
8	Chi phí khác	Tr.đồng	3.191	2.854	2.595	2.711	2.727	2.418	16.496
	Chi phí thanh lý vườn cây cao su	Tr.đồng	2.276	2.003	1.955	1.961	1.987	1.818	12.000
	Chi phí khác	Tr.đồng	915	851	640	750	740	600	4.496
IV	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	60,400	50,000	47,000	46,000	47,500	51,300	302,201
1	Lợi nhuận cao su	Tr.đồng	39.415	30.807	25.240	21.800	20.940	23.520	161.722
	Lợi nhuận cao su khai thác	Tr.đồng	39.175	30.537	24.940	21.500	20.640	23.220	160.012
	Lợi nhuận cao su thu mua	Tr.đồng	240	270	300	300	300	300	1.710
4	Lợi nhuận tài chính	Tr.đồng	1.406	(504)	2.675	4.806	6.780	9.946	25.109
	Lợi nhuận đầu tư tài chính ngoài DN	Tr.đồng	2.153	2.060	5.200	7.560	9.760	13.460	40.193
	Lợi nhuận tài chính trong doanh nghiệp	Tr.đồng	(747)	(2.564)	(2.525)	(2.754)	(2.980)	(3.514)	(15.084)
6	Lợi nhuận khác	Tr.đồng	19.579	19.697	19.085	19.394	19.780	17.834	115.370

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Tổng cộng
	Lợi nhuận thanh lý cao su	Tr.đồng	19.471	19.527	19.058	19.124	19.377	17.724	114.282
	Lợi nhuận khác	Tr.đồng	108	170	27	270	403	110	1.088
V	Thuế thu nhập doanh nghiệp	Tr.đồng	4.839	4.024	5.205	4.963	5.771	7.108	31.910
VI	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	55.561	45.976	41.795	41.037	41.730	44.192	270.291
VII	Khối lượng cổ phiếu lưu hành	Triệu CP	17,16	17,16	17,16	17,16	17,16	17,16	17,16
VIII	Thu nhập trên mỗi cổ phiếu (EPS)	Đồng/CP	3.238	2.679	2.435	2.391	2.432	2.575	15.750
IX	Phân phối lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	55.561	45.976	41.795	41.037	41.730	44.192	270.291
1	Thuế thu nhập DN được miễn giảm	Tr.đồng	4.839	4.024	1.893	1.635	1.571	-	13.962
2	Quỹ đầu tư phát triển (10%)	Tr.đồng	5.072	4.195	3.990	3.940	4.016	4.419	25.633
3	Quỹ khen thưởng, phúc lợi (15%)	Tr.đồng	7.608	6.293	5.985	5.910	6.024	6.629	38.449
4	Chia cổ tức hàng tiền	Tr.đồng	25.741	25.741	25.741	25.741	25.741	25.741	154.449
5	Lợi nhuận chưa phân phối	Tr.đồng	12.300	5.723	4.185	3.810	4.378	7.403	37.798
X	Mức cổ tức	Đồng/CP	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	9.000

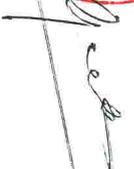
Người lập biểu



Bùi Phước Tiên

Bà Rịa - Vũng Tàu, Ngày 22 Tháng 02 Năm 2010

Giám đốc

Huỳnh Ngọc Hiến

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU HÒA BÌNH

BẢNG CÂN ĐỐI VỐN ĐẦU TƯ XDCB VÀ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN 2010 - 2015

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Diễn giải	31/12/2009	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Tổng cộng
A	Nhu cầu vốn đầu tư dài hạn	345.411	110.529	65.930	71.545	55.711	57.568	62.114	768.808
I	Tài sản dài hạn sản xuất kinh doanh	97.191							97.191
	Nguyên giá Tài sản cố định	93.193							93.193
	Giá trị hao mòn lũy kế	(53.290)							(53.290)
	Chi phí XD/CB dở dang	57.288							57.288
II	Đầu tư dài hạn	248.220	110.529	65.930	71.545	55.711	57.568	62.114	671.617
a	Vốn đầu tư trong doanh nghiệp	-	36.369	43.930	51.493	55.711	57.568	62.114	307.185
1	Trồng mới cao su tại doanh nghiệp	-	26.812	29.334	31.207	32.428	32.666	31.333	183.780
2	Đãi vay dài hạn (tái canh cao su)	-	8.077	14.095	19.785	22.783	24.403	28.281	117.425
3	Trả nợ gốc vay dài hạn trồng mới cao su	-	-	-	-	-	-	2.000	2.000
4	Công trình xây lắp PV sản xuất tại DN	-	180	200	200	200	200	200	1.180
5	Mua sắm tài sản cố định	-	1.300	300	300	300	300	300	2.800
b	Vốn đầu tư ngoài doanh nghiệp	248.220	74.160	22.000	20.052	-	-	-	364.432
1	Công ty CP cao su Việt- Lào	90.000	-	-	-	-	-	-	90.000
2	C. ty CP cao su Bà Rịa-Kampong Thom	30.750	30.000	15.000	14.250	-	-	-	90.000
3	Công ty CP cao su Lai Châu	27.698	34.500	7.000	5.802	-	-	-	75.000
4	Công ty CP cao su Bình Long-Tà Thiết	1.700	1.300	-	-	-	-	-	3.000
5	C. ty CP khu công nghiệp Long Khánh	14.440	8.360	-	-	-	-	-	22.800
6	C. ty CP thủy sản An Phú-Đồng Tháp	10.000							10.000
7	Công ty CP xây dựng cao su Đồng Nai	2.492							2.492
8	Công ty cổ phần cao su Đồng Phú	1.078							1.078
9	Công ty CP chế biến gỗ Thuận An	1.492							1.492
10	Quy Đầu tư tăng trưởng Việt Long	30.450							30.450
11	Quy Đầu tư con Hồ Việt Nam	20.200							20.200
12	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	12.720							12.720
13	Trái phiếu Chính Phủ	4.200							4.200
14	Tiền gửi dài hạn CT tài chính cao su	1.000							1.000

STT	Diễn giải	31/12/2009	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Tổng cộng
B	Khả năng nguồn vốn dài hạn	325.692	130.234	65.942	71.568	67.386	45.876	62.110	768.808
I	Nguồn vốn chủ sở hữu	214.634	-	-	-	-	-	-	214.634
1	Vốn đầu tư chủ sở hữu	172.610							172.610
2	Thặng dư vốn cổ phần	2.373							2.373
3	Cổ phiếu quỹ (100.006 CP)	(14.047)							(14.047)
4	Quỹ đầu tư phát triển trước năm 2009	53.698							53.698
II	Biên pháp huy động vốn dài hạn	111.058	130.234	65.942	71.568	67.386	45.876	62.110	554.174
1	Khấu hao tài sản cố định	-	8.753	8.000	7.000	8.000	8.912	10.400	51.065
2	Quỹ đầu tư phát triển (2009 - 2015)	12.006	9.911	8.219	5.883	5.575	5.586	4.419	51.601
3	Trái phiếu Chính phủ dài hạn	-	4.200	-	-	-	-	-	4.200
4	Tiền gửi dài hạn đáo hạn	-	1.000	-	-	-	-	-	1.000
5	Bán cổ phiếu DPR (13.800 CP)	-	1.078	-	-	-	-	-	1.078
6	Bán cổ phiếu GTA (127.500 CP)	-	1.492	-	-	-	-	-	1.492
7	Quỹ đầu tư con hồ Việt Nam dài hạn	-	-	-	-	30.000	-	-	30.000
8	Quỹ đầu tư tăng trưởng Việt Long dài hạn	-	-	-	-	20.000	-	-	20.000
9	Lợi nhuận chưa phân phối trước năm 2009	61.670	-	-	-	-	-	-	61.670
10	Lợi nhuận chưa phân phối (2009 - 2015)	10.220	12.300	5.723	4.185	3.810	4.378	7.403	48.018
11	Quỹ dự phòng tài chính	19.050	-	-	-	-	-	-	19.050
12	Vay dài hạn (tái canh, trồng mới cao su)	8.112	91.500	44.000	54.500	-	27.000	39.888	265.000
C	Cân đối (Thừa +, Thiếu -)	(19.719)	19.705	12	24	11.674	(11.692)	(4)	(0)

Bà Rịa - Vũng Tàu, Ngày 22 Tháng 02 Năm 2010

Người lập biểu

Giám đốc


Bùi Phước Tiên



Huỳnh Ngọc Hiếu



CÔNG TY CP CAO SU HÒA BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH BIỂU QUYẾT TRONG ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2009

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 29/11/2005;
- Căn cứ Điều lệ và tổ chức hoạt động của công ty.

Hội đồng quản trị công ty phổ biến những nội dung quy định biểu quyết trong Đại hội đồng cổ đông như sau :

5

1. Xác định ý nghĩa :

Biểu quyết đồng ý và thông qua hoặc không đồng ý thông qua các báo cáo đã được trình bày trong Đại hội .

2. Phần biểu quyết:

2.1. Quyền biểu quyết được thực hiện theo vốn cổ đông. Các cổ đông biểu quyết theo số cổ phần mình hiện nắm giữ.

2.2. Đối tượng có quyền tham gia biểu quyết là toàn thể cổ đông (hoặc người được cổ đông ủy quyền hợp lệ) của công ty cổ phần cao su Hòa Bình (HORUCO)

3. Nguyên tắc biểu quyết:

Một cổ đông không được phép biểu quyết 02 (hai) lần trong cùng một nội dung cần biểu quyết.

4. Cách thức biểu quyết:

Khi biểu quyết thông qua, cổ đông cầm thẻ cổ đông (được phát trước) giơ lên cao để Ban kiểm phiếu làm nhiệm vụ.

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 12 tháng 3 năm 2010.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU HÒA BÌNH

**NỘI DUNG BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU HÒA BÌNH NĂM 2009**

1. Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2009, trong đó có các chỉ tiêu chủ yếu:

- Tổng lợi nhuận trước thuế	:	71.522.944.596 đồng
- Tổng lợi nhuận sau thuế	:	65.456.101.980 đồng
- Thu nhập trên mỗi cổ phiếu (EPS)	:	3.814 đồng

2. Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát Công ty năm 2009

3. Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị năm 2009. Trong đó có các nội dung chủ yếu được biểu quyết như sau:

3.1. Quyết định phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2009 như sau:

- Quỹ đầu tư phát triển (bao gồm thuế TNDN được giảm)	:	12.006.000.000 đồng
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi (15% lợi nhuận sau thuế)	:	8.908.000.000 đồng
- Chia cổ tức bằng tiền 2.000 đồng/CP (20% vốn Điều lệ)	:	34.321.940.000 đồng
- Lợi nhuận chưa phân phối để lại bổ sung vốn đầu tư SXKD	:	10.220.161.980 đồng
TỔNG CỘNG		65.456.101.980 đồng

3.2. Quyết định tổng số tiền thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty năm 2009 được chi trả **327.280.000 đồng** (tương ứng 0,5% lợi nhuận sau thuế);

3.3. Quyết định tổng số tiền thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty năm 2010 theo tỷ lệ: Vượt kế hoạch lợi nhuận được chi trả 0,5% lợi nhuận sau thuế; Bằng hoặc thấp hơn kế hoạch lợi nhuận được chi trả 0,35% lợi nhuận sau thuế;

3.4. Quyết định phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Ông Huỳnh Ngọc Hiếu giữ chức vụ Giám đốc điều hành Công ty;

3.5. Quyết định việc ủy quyền Hội đồng quản trị được chọn đơn vị Kiểm toán độc lập thực hiện Kiểm toán Báo cáo tài chính Công ty năm 2010;

4. Thông qua Kế hoạch năm 2010 với các chỉ tiêu chủ yếu:

- Sản lượng cao su khai thác	:	4.260 tấn
- Cao su tiêu thụ	:	5.090 tấn
- Tổng doanh thu	:	199.879.000.000 đồng
<i>Trong đó: Doanh thu tiêu thụ cao su</i>	:	<i>173.060.000.000 đồng</i>
- Tổng lợi nhuận trước thuế	:	60.400.000.000 đồng
- Chia cổ tức bằng tiền 15% so vốn Điều lệ	:	1.500 đồng/cổ phiếu
- Đầu tư XDCB và đầu tư tài chính dài hạn	:	110.529.000.000 đồng

Trong đó:

+ Đầu tư XD CB trong doanh nghiệp	:	36.369.000.000 đồng
+ Đầu tư tài chính dài hạn ngoài doanh nghiệp	:	74.160.000.000 đồng
5. Thông qua Kế hoạch dài hạn 2010 - 2015 với các chỉ tiêu chủ yếu:		
- Sản lượng cao su khai thác	:	18.270 tấn
- Cao su tiêu thụ	:	24.000 tấn
- Tổng lợi nhuận trước thuế	:	302.200.000.000 đồng
- Đầu tư XD CB và đầu tư tài chính dài hạn	:	423.397.000.000 đồng
Trong đó:		
+ Đầu tư XD CB trong doanh nghiệp	:	307.185.000.000 đồng
+ Đầu tư tài chính dài hạn ngoài doanh nghiệp	:	116.212.000.000 đồng
- Biện pháp huy động bổ sung vốn đầu tư dài hạn	:	432.458.000.000 đồng
Trong đó:		
+ Lợi nhuận để lại trước năm 2010	:	71.890.000.000 đồng
+ Dự kiến lợi nhuận chưa phân phối 2010-2015	:	37.798.000.000 đồng
+ Thu hồi giảm vốn đầu tư tài chính	:	57.770.000.000 đồng
+ Vay vốn dài hạn tái canh cao su	:	265.000.000.000 đồng